

LÀM QUEN VỚI CÁC NÉT VIẾT CƠ BẢN, CÁC CHỮ SỐ VÀ DẤU THANH LÀM QUEN VỚI BẢNG CHỮ CÁI

(6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và viết đúng các nét viết cơ bản các chữ số và dấu thanh; đọc đúng các âm tương ứng với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- Phát triển kỹ năng đọc, viết.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (nhận biết các sự vật có hình dạng tương tự các nét viết cơ bản).
- Thêm yêu thích và hứng thú với việc học viết, thêm tự tin khi giao tiếp.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững hệ thống nét viết cơ bản, các chữ số, các dấu thanh và hệ thống chữ cái tiếng Việt. Phân biệt được tên chữ cái và âm để tránh nhầm lẫn sau khi diễn giải. Tuy nhiên, ở lớp 1 chưa cần để cập đến tên chữ cái, chỉ dạy cách đọc chữ cái hay âm do chữ cái thể hiện để có thể giải thích cho HS hiểu (nếu HS thắc mắc).
- Tìm những sự vật (gắn gũi với HS trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày) có hình thức khá giống các nét viết cơ bản. Những sự vật này sẽ được minh hoạ (nếu cần thiết) giúp HS dễ hiểu bài, nhanh chóng nhận diện các nét viết cơ bản.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

- HS sắp xếp các tranh thể hiện tư thế đọc, viết, nói, nghe theo 2 nhóm: đúng và sai.
- HS thực hành tư thế đọc, viết.

2. Giới thiệu các nét viết cơ bản

- GV ghi trên bảng hoặc trình chiếu qua màn hình hệ thống 14 nét viết cơ bản (*nét ngang, nét sổ, nét xiên phải, nét xiên trái, nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu, nét cong hở phải, nét cong hở trái, nét cong kín, nét khuyết trên, nét khuyết dưới, nét thắt trên, nét thắt giữa*). Giới thiệu tên gọi và hình thức thể hiện của các nét viết.
- HS đồng thanh đọc tên các nét theo GV.
- Một số (2 - 3) HS đọc tên các nét.
- GV chỉ vào các nét tương ứng (trên bảng lớp hoặc màn hình máy chiếu, không theo thứ tự nhất định). HS đọc tên các nét.

3. Nhận diện các nét viết qua hình ảnh sự vật

- Có thể cho các nhóm HS thi nhớ tên và nhận diện nhanh các nét viết.

- Có thể giúp HS nhận diện các nét viết cơ bản bằng việc đưa ra vật thật, hoặc tranh ảnh, mô hình của những sự vật gợi ra những nét viết cơ bản. Ví dụ: cái thước đặt trên mặt bàn (gợi nét ngang), cái gậy thay đổi tư thế (gợi nét sổ hoặc gợi nét xiên phải, nét xiên trái), cái ô (gợi nét móc xuôi, nét móc ngược), cái móc sắt (gợi nét móc hai đầu), cái cốc có tai hoặc mặt trăng khi tròn, khi khuyết (gợi nét cong kín, nét cong hở trái, nét cong hở phải), sợi dây vạt chéo (gợi nét khuyết trên, nét khuyết dưới), dây buộc giày (gợi nét thắt trên, nét thắt giữa),...
- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: *Tranh vẽ những sự vật nào? Mỗi sự vật gợi ra nét viết cơ bản nào?*

4. Giới thiệu và nhận diện các chữ số

- GV ghi trên bảng hoặc trình chiếu qua màn hình về hệ thống các chữ số từ 0 đến 9 (trong đó, số 2, số 3, số 4, số 5 và số 7 được viết bằng 2 kiểu). Giới thiệu tên gọi và phân tích cấu tạo của từng số. Ví dụ: Số 1 gồm nét xiên phải và nét sổ; số 3 gồm 2 nét cong hở trái; số 4 gồm nét xiên phải, nét ngang và nét sổ,...
- HS thi nhận diện nhanh các chữ số.
- Có thể giúp HS nhận diện các chữ số bằng việc đưa ra vật thật, hoặc tranh ảnh, mô hình của những sự vật gợi ra những chữ số. Ví dụ: một thanh tre có mấu – cọc tre (gợi chữ số 1), con vịt hay thiên nga đang bơi (gợi chữ số 2),...

5. Giới thiệu và nhận diện các dấu thanh

- GV ghi trên bảng hoặc trình chiếu qua màn hình về hệ thống dấu thanh của tiếng Việt: *không, huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng*.
- Giới thiệu tên gọi và phân tích cấu tạo của từng thanh. Ví dụ: thanh *huyền* có cấu tạo là nét xiên trái; thanh *ngã* có cấu tạo là nét móc hai đầu,...
- HS thi nhận diện nhanh các dấu thanh.

TIẾT 2

6. Luyện viết các nét ở bảng con

- GV đưa ra mẫu các nét cơ bản và mẫu các chữ số, HS nhắc lại tên của từng nét, từng chữ số.
- GV hướng dẫn cách viết:
 - + Phân tích các nét mẫu về cấu tạo, độ cao, độ rộng.
 - + Chỉ ra cách viết: điểm đặt bút, hướng đi của bút, điểm dừng bút,...
 - + Lưu ý cách viết đúng mẫu; ví dụ, khi viết “nét khuyết trên”, cần chú ý: cao 5 li; rộng 1,5 li. Đặt bút từ đường kẻ 2, viết nét xiên phải cao 3 li. Đầu khuyết cao 2 li rồi rẽ trái 1 li, kéo nét thẳng cao 5 li thì dừng bút ở đường kẻ 1.
 - + GV viết mẫu để HS quan sát và viết theo, không cần giải thích chi tiết.
- HS quan sát nét mẫu để biết cấu tạo, độ cao, độ rộng của nét.
- HS tập “viết” nét *trên không* để biết hướng viết.

- HS viết vào bảng con. GV cho cả lớp quan sát bảng viết của 2 – 3 HS.
- GV và HS nhận xét.

7. Củng cố

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại bài vừa học.
- Khuyến khích HS thực hành tại nhà (viết các nét vào bảng con).

TIẾT 3

8. Khởi động

HS tìm thêm sự vật có hình dạng giống nét viết cơ bản.

9. Luyện viết các nét vào vở

Luyện viết 7 nét: nét ngang, nét sổ, nét xiên phải, nét xiên trái, nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu.

- GV đưa lại nét mẫu, gọi tên từng nét và nhắc lại cách viết. Lưu ý: GV không cần giải thích thêm.
- HS tập viết các nét vào vở (cỡ vừa).
- GV và HS nhận xét.
- GV cần tạo ra những hình thức dạy học sinh động, kích thích hứng thú tập viết của HS.

TIẾT 4

10. Luyện viết các nét vào vở

Luyện viết 5 nét: nét cong hở phải, nét cong hở trái, nét cong kín, nét khuyết trên, nét khuyết dưới.

- GV đưa lại nét mẫu, gọi tên từng nét và nhắc lại cách viết.
- HS tập viết các nét vào vở (cỡ vừa).
- GV và HS nhận xét.

11. Củng cố

- GV nhận xét chung về giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại bài vừa học.
- Khuyến khích HS tập viết vào vở các nét viết cơ bản đã học.

TIẾT 5

12. Khởi động

HS ôn lại các nét đã học qua hình thức chơi trò chơi phù hợp.

13. Luyện viết các nét và các chữ số vào vở

Luyện viết 2 nét còn lại: nét thắt trên, nét thắt giữa.

- GV đưa lại nét mẫu, gọi tên từng nét và nhắc lại cách viết.
- HS tô và viết các nét.
- GV và HS nhận xét.
- GV cần tạo ra những hình thức dạy học sinh động, kích thích hứng thú tập viết của HS. (Gợi ý: trò chơi “Trang trí đường viền cho bức tranh”: Có một bức tranh nhưng còn thiếu đường viền xung quanh. Vẽ thêm nét thắt trên, nét thắt giữa để tranh thêm đẹp và hoàn thiện).

Luyện viết các chữ số

- GV đưa lại mẫu các chữ số 1, 2, 3, 4, 5, gọi tên từng chữ số và nhắc lại cách viết.
- HS tô và viết các chữ số 1, 2, 3, 4, 5.
- GV và HS nhận xét.

TIẾT 6

14. Làm quen với bảng chữ cái và đọc âm tương ứng

- GV giúp HS làm quen với chữ và âm tiếng Việt, chuẩn bị cho hoạt động thực hành kĩ năng đọc thành tiếng.
- GV giới thiệu bảng chữ cái (trang 13 SHS), chỉ vào từng chữ cái và đọc âm tương ứng. Lưu ý: không nói tên chữ cái để tránh việc HS nhầm lẫn giữa âm và tên chữ cái.
- GV lần lượt đưa chữ *a*, đọc là *a*, HS đồng thanh đọc theo; đưa chữ *ă*, đọc là *á*, HS đồng thanh đọc theo; tương tự: *â* “ớ”, *b* “bờ”, *c* “cờ”,... Nếu có thể, GV cho HS thực hành đủ 29 âm tương ứng với 29 chữ cái. Số lượng âm – chữ thực hành tùy thuộc vào khả năng của HS. Lưu ý: Vì không nói tên chữ cái nên GV có thể nói *chữ ghi âm* “bờ” cho trường hợp chữ *b*; *chữ ghi âm* “cờ” cho trường hợp chữ *c*. Nếu có nói “chữ “bờ”, chữ “cờ” thì GV cũng cần nhớ đó chỉ là cách nói tạm dùng cho HS lớp 1 và luôn luôn phải nhớ phân biệt âm với tên chữ cái ghi âm đó, chẳng hạn phân biệt âm *b* “bờ” với chữ *b* “bê”, âm *c* “cờ” với chữ *c* “xê”.
- GV đưa một số chữ cái, một số (5 – 7) HS đọc thành tiếng âm do chữ cái thể hiện.

15. Luyện kĩ năng đọc âm

- GV làm mẫu luyện đọc âm (tương ứng chữ cái): GV đưa chữ *a*, HS đọc to “a”. GV đưa chữ *b*, HS đọc to “bờ”.
- HS làm việc nhóm đôi, HS thứ nhất đưa một chữ cái bất kì, HS còn lại đọc to âm tương ứng.
- GV kiểm tra kết quả: GV đọc to một âm bất kì, HS cả lớp tự chọn trong bộ thẻ chữ cái chữ tương ứng với âm đó và giơ chữ đó lên cao. Lặp lại một số lần với một số âm khác nhau.

- GV chỉnh sửa những trường hợp HS chọn chưa đúng. Lưu ý, HS chỉ mới làm quen chữ cái và âm đọc tương ứng, bước đầu nhận biết chữ và đọc âm. Vì vậy, các em không nhất thiết phải biết đọc hết tất cả các chữ hay chọn đúng tất cả các chữ tương ứng với âm. Nên tổ chức luyện kỹ năng đọc âm dưới hình thức trò chơi vui nhộn, có tính chất khởi động, chuẩn bị cho những tuần học âm – chữ chính thức.

16. Củng cố

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Lưu ý HS ôn lại bài vừa học và khuyến khích HS thực hành đọc ở nhà các âm được ghi bằng các chữ cái trong bảng chữ cái.